

QUYẾT ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
- Căn cứ Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII nhiệm kỳ 2015 - 2020;
- Căn cứ Kế hoạch số 88-KH/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy,

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Chức năng

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận.
2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo); cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của tỉnh.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện
 - 1.1. Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
 - 1.2. Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận

của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và triển khai tổ chức thực hiện.

1.3. Tham mưu giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương; hoạt động công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

1.4. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (bao gồm cả tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân), báo cáo và tham mưu kịp thời với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

1.5. Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

1.6. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

1.7. Thực hiện các công việc về hành chính nội bộ của cơ quan.

1.8. Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy. Phân công cán bộ, chuyên viên theo dõi ngành, địa phương, đơn vị; cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, ban cán sự đảng, đảng đoàn.

1.9. Thực hiện sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

2.1. Việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

2.2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và cán bộ làm công tác dân vận của Đảng trong tỉnh.

3. Thẩm định, thẩm tra

3.1. Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét quyết định.

3.2. Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh... có liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

4- Phối hợp

4.1. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm về công tác dân vận.

4.2. Phối hợp với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận ở địa phương.

4.3. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan liên quan và các hội quần chúng trong công tác vận động nhân sỹ, trí thức, người có uy tín trong nhân dân và chức sắc trong tôn giáo; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

4.4. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban dân vận Tỉnh ủy.

4.5. Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế làm việc của Tỉnh ủy; phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và công tác đảm bảo phục vụ theo quy định.

4.6. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao

Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế

1. Lãnh đạo Ban: Trưởng ban và không quá 02 Phó Trưởng ban.

2. Các phòng trực thuộc Ban dân vận Tỉnh ủy: 03 phòng.

- Phòng Tổng hợp;

- Phòng Đoàn thể và các hội;

- Phòng Dân vận các cơ quan nhà nước, Dân tộc và Tôn giáo.

Mỗi phòng bố trí 01 trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng; phòng có từ 10 người trở lên, được bố trí không quá 02 phó trưởng phòng.

3. Biên chế

3.1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc tại Ban Dân vận Tỉnh ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ, cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm được phê duyệt; đảm bảo tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động theo nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị.

- Biên chế đã giao là 22 người.

- Biên chế chậm nhất đến năm 2021 còn 18 người.

3.2. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu, phân công, bố trí công tác,... và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban Dân vận Tỉnh ủy thực hiện theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

Điều 4. Mọi quan hệ công tác

1. Đối với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương

1.1. Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo về mọi mặt của Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, tham mưu, đề xuất các vấn đề thuộc lĩnh vực công tác dân vận với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

1.2. Định kỳ báo cáo, thống kê cơ bản về nhiệm vụ công tác với Ban Dân vận Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ của Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

2. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp.

2.1. Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu thuộc lĩnh vực của Ban Dân vận Tỉnh ủy có liên quan đến công tác quản lý nhà nước; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.2. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Ban Dân vận Tỉnh ủy thì đại diện lãnh đạo cơ quan Ban Dân vận Tỉnh ủy được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

3. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy và cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh là quan hệ phối hợp.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Ban Dân vận Tỉnh ủy chỉ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy và các sở, ban, ngành tỉnh là quan hệ phối hợp:

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân vận.

Phối hợp nắm tình hình, nghiên cứu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân

tính để giải quyết những vướng mắc trong việc thực hiện các mặt công tác của chính quyền có liên quan đến công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo.

5. Đối với cấp ủy và ban dân vận huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn trong việc thực hiện công tác dân vận.

- Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy và Ban Dân vận các huyện, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Ban Dân vận Tỉnh ủy căn cứ vào Quyết định này và các văn bản có liên quan, xây dựng, ban hành Quy chế làm việc của Ban; quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng trực thuộc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức phù hợp với cơ cấu ngạch công chức, viên chức, tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm theo quy định.

2. Ban Dân vận Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản trước đây của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, } để
- Ban Dân vận Trung ương, } báo cáo
- Các Ban Đảng tỉnh, BCS Đảng, Đảng đoàn;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- BTV huyện ủy, thành ủy, ĐUTTTU,
- Ban Dân vận Tỉnh ủy,
- Các đồng chí TUV,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Đỗ Xuân Tuyên